UBND HUYỆN MƯỜNG CHÀ **TRƯỜNG THCS NẬM NÈN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 60/QĐ-THCSNN	*Nậm Nèn, ngày 07 tháng 05 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025 của Trường THCS Nậm Nèn

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 402/QĐ-PGD ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Phòng GD&ĐT huyện Mường Chà về việc giao dự toán chi ngân sách các trường Mầm Non, Tiểu học, THCS năm 2025;

Căn cứ quyết định số 71/QĐ-PGD ngày 22 tháng 04 năm 2025 của Phòng GD&ĐT huyện Mường Chà về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách các trường Mầm Non, Tiểu học, THCS để thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh trong năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán Trường THCS Nậm Nèn;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025 của Trường THCS Nậm Nèn *(theo các biểu đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán Trường THCS Nậm Nèn, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Phòng GD&ĐT
- Website trường
- HSCV
- Lưu KT, VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Mạnh

BẢNG CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 60/QĐ-THCSNN ngày 07/05/2025 của trường THCS Nậm Nèn)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp ……..	
2.2	Chi quản lý hành chính	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	**Điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước**	**91,693**
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	91,693
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
11	Chi Chương trình mục tiêu	